

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BA ĐÌNH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2022/KDTM-ST
Ngày 17 tháng 9 năm 2022
V/v: *Yêu cầu thanh toán công nợ*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Thụy**

2. Bà **Bùi Thị Hạnh**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thùy Linh**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình:

Bà **Hoàng Thu Trang** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 70/2022/TLST-KDTM ngày 05 tháng 7 năm 2022 về việc: “Yêu cầu thanh toán công nợ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 281/2020/QĐST - KDTM ngày 10 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 216/2022/QĐST-HPT ngày 26 tháng 8 năm 2022 giữa:

* Nguyên đơn: **A**. Địa chỉ: phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Kim K, chức vụ: Tổng giám đốc. Người được ủy quyền: ông Nguyễn Tiến D- Phó Tổng Giám đốc theo Quyết định số 692/QĐ-PTTH ngày 15/6/2022. Ông D có mặt tại phiên tòa.

* Bị đơn: **Công ty B**. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần C- Giám đốc. Địa chỉ: quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Ông C vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm A do người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Tiến D trình bày:*

A và công ty B ký kết hợp đồng hợp tác sản xuất chương trình truyền hình số 18/CTHT-2008 ký ngày 17/10/2008 và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ-18/CTHT-2008 ngày 31/8/2012. Hợp tác sản xuất Chương trình “Cơ hội 999”. Giá trị hợp đồng là: 3.328.400.000 đồng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) giá trị trao

đổi chi phí mua bản quyền chương trình và thời lượng quảng cáo (hai bên đối trừ hóa đơn) trong đó 1.664.000.000 đồng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) giá trị chi phí sản xuất phát sóng chương trình. Thời hạn hợp đồng: Từ ngày 03/11/2008 đến hết ngày 03/11/2009.

Hợp đồng đã thực hiện giá trị là: 878.360.000 đồng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng), A đã xuất hóa đơn GTGT với số tiền là 878.360.000 đồng và công ty B đã nhận đủ hóa đơn tài chính giá trị trên.

Công ty B đã thanh toán trả A số tiền là: 160.000.000 đồng. Đến nay công ty B còn nợ A số tiền là 719.360.000 đồng.

A đã nhiều lần liên hệ, gửi công văn đề nghị thanh toán nhưng công ty B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán phần công nợ còn lại là 719.360.000 đồng (Bảy trăm mười chín triệu ba trăm sáu mươi ngàn) đồng cho A.

Nay A đề nghị Tòa án nhân dân quận Ba Đình giải quyết:

- Buộc Công ty B trả cho A số tiền nợ gốc: 719.360.000 đồng theo hợp đồng hợp tác sản xuất chương trình truyền hình số 18/CTHT-2008 ký ngày 17/10/2008 và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ-18/CTHT-2008 ngày 31/8/2012.

Trong quá trình thụ lý và giải quyết Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc triệu tập lấy lời khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho đương sự; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Tòa án đã tiến hành ghi lời khai của nguyên đơn. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn vắng mặt nên các bên không thống nhất được với nhau do vậy không hòa giải được.

**** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phát biểu quan điểm:***

+ Về thẩm quyền: Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

+ Xác định đúng tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng theo Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Tiến hành hòa giải, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, công bố chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ theo Điều 212, 205, 206, 207, 208, 209, 210 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

+ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa đã được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự và đã được tổng đạt hợp lệ cho các đương sự;

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại chương XIV Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

+ Về hình thức hợp đồng hợp tác sản xuất chương trình truyền hình số 18/CTHT-2008 ký ngày 17/10/2008 và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ-18/CTHT-2008 ngày 31/8/2012, hợp đồng ủy quyền được các bên ký kết theo đúng quy định pháp luật.

Từ những phân tích nhận định trên đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng

xét xử xem xét quyết định: Áp dụng các Điều 50, 55, 56, 57, 306 Luật Thương mại;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn Công ty B trả cho A số tiền nợ gốc: 719.360.000 đồng (Bảy trăm mười chín triệu ba trăm sáu mươi ngàn) đồng theo hợp đồng hợp tác sản xuất chương trình truyền hình số 18/CTHT-2008 ký ngày 17/10/2008 và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ-18/CTHT-2008 ngày 31/8/2012.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đề tuyên bị đơn chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện, nguyên đơn A yêu cầu Công ty B phải thanh toán số tiền còn nợ theo hợp đồng hợp tác sản xuất chương trình truyền hình số 18/CTHT-2008 ký ngày 17/10/2008 và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ-18/CTHT-2008 ngày 31/8/2012 nên xác định đây là vụ án Kinh doanh thương mại tranh chấp về Hợp đồng hợp tác sản xuất. Công ty B có trụ sở phường Điện Biên, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội nên Tòa án nhân dân quận Ba Đình thụ lý giải quyết vụ án theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo pháp luật của bị đơn vắng mặt không có lý do lần thứ hai liên tiếp và không ủy quyền cho ai tham gia tố tụng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành tố tụng, giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt người đại diện theo pháp luật của bị đơn.

Trong vụ án này: Hợp đồng hợp tác sản xuất chương trình truyền hình số 18/CTHT-2008 ký ngày 17/10/2008 và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ-18/CTHT-2008 ngày 31/8/2012 giữa các đương sự được thực hiện trước khi Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực, vì vậy vụ án được áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết đúng với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015.

[2] Về nội dung:

Ngày 17/10/2008 A và công ty B ký kết hợp đồng hợp tác sản xuất chương trình truyền hình số 18/CTHT-2008 với nội dung Hợp tác sản xuất Chương trình “Cơ hội 999” với tổng số 208 chương trình, mỗi trương trình có thời lượng khoảng 25 phút phát trên kênh 1 Truyền hình Hà Nội chia làm ba phần; Phần 1 từ 19 giờ 45 phút đến 20 giờ; phần 2 từ 20 giờ 45 phút đến 20 giờ 48 phút, phần 3 từ 22 giờ đến 22 giờ 5 phút từ thứ hai đến thứ năm hàng tuần kể từ tháng 03/11/2008 đến 03/11/2009. Đây là hợp đồng kinh tế được các bên ký kết đúng về hình thức và nội

dung nên được thừa nhận và bảo vệ, các bên có các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng hai bên đã ký kết.

Căn cứ vào biên bản đối chiếu công nợ ngày 31 tháng 8 năm 2012 và phụ lục hợp đồng số 01/PLHD-18/CTHT-2008 ngày 31/8/2012 của công ty B xác nhận còn nợ A số tiền là: 719.360.000 đồng. Tuy nhiên, kể từ đó đến nay công ty B không trả cho A bất cứ khoản tiền nào. Tại phiên tòa, A cũng xác nhận công ty B còn nợ A số tiền là 719.360.000 đồng. Do đó, việc A khởi kiện yêu cầu công ty B số tiền là 719.360.000 đồng là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ theo quy định tại khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Công ty B phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

A không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

- Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật;
- Vì các căn cứ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 4; Điều 24; Điều 50; Điều 55; Điều 306 Luật Thương mại.

- Luật án phí và lệ phí; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của A đối với Công ty B về yêu cầu thanh toán theo Hợp đồng hợp tác sản xuất chương trình truyền hình số 18/CTHT-2008 ký ngày 17/10/2008 và phụ lục hợp đồng số 01/PLHD-18/CTHT-2008 ngày 31/8/2012.

2. Buộc Công ty B phải thanh toán cho A tổng số tiền là nợ gốc là 719.360.000 đồng (*Bảy trăm mười chín triệu, ba trăm sáu mươi nghìn*) đồng.

3. Do bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố nên Tòa án không xem xét. Nếu sau này giữa các bên có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong bản án.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Công ty B phải nộp số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: **32.774.400** (*Ba mươi hai triệu, bảy trăm bảy mươi tư nghìn, bốn trăm*) đồng.

A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **16.300.000** (*Mười sáu triệu, ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002046 ngày 05 tháng 7 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Ba Đình.

5. Về quyền kháng cáo: A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty B vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình;
- Chi cục THA dân sự quận Ba Đình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nhung